

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế bổ sung năm 2025.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua vật tư y tế bổ sung năm 2025.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Tiên Lữ
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế Tiên Lữ. Địa chỉ: Xã Hoàng Hoa Thám - tỉnh Hưng Yên
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Trung tâm y tế Tiên Lữ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 10 năm 2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

- Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:
(1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn

- (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- (8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo (lưu ý tên hàng hóa theo Số lưu hành TTBYT)	Ký mã hiệu / Nhân mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK (nếu có)	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TTBYT là theo Số lưu hành TTBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba

Lưu ý: (*): Tại bước hoàn thiện, ký kết hợp đồng, đối với hàng hóa là vật tư, nhà thầu phải cung cấp mã vật tư phục vụ thanh toán bảo hiểm y tế (nếu có) theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT, Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (đợt 1) và các Quyết định cập nhật, bổ sung các đợt tiếp theo. Trong trường hợp tên hàng hóa theo không trùng với Thông tư số 04/2017/TT-BYT, Quyết định số 5086/QĐ-

BYT và các văn bản liên quan, nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng Bên mua giải quyết và đính chính thông tin để thực hiện thanh toán BHYT.

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	Quy cách đóng gói theo HSMT	- Tên hàng hoá theo Sổ lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...	Quy cách đóng gói thực tế của hàng hóa dự thầu	
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT		Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)		Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật/Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT (Highlight các nội dung liên quan tới Mô tả hàng hoá trên Tài liệu dẫn chiếu)
				Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn		- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSMT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)		Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói tham khảo
1	Băng cuộn 5cmx5m	Kích thước: 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	10 cuộn; 100 cuộn/ túi
2	Bơm tiêm 20ml dùng cho bơm tiêm điện	Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gầy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1". Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 50 cái x 16 hộp / kiện
3	Bơm tiêm Insulin các cỡ	Bơm tiêm được làm từ nhựa y tế PP, dung tích 1ml. Kim 27G hoặc 30G*1/2" làm bằng thép không gỉ, thiết kế dạng LDSS đốc kim có đuôi nhọn. Bơm có vạch chia đồng thời 100UI/40UI; có khoảng chết $\leq 0,01$ ml. Sản phẩm được ép vi, tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 100 cái x 42h/ kiện Cái
4	Kim luân tĩnh mạch an toàn các cỡ	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên và 2 mặt vát dưới tạo độ bén tối đa và vết kim đâm mau lành) - Cathether nhựa; Có 4 đường cảm quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương. - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Cơ chế trào máu 2 lần (Double flash back) giúp xác nhận lấy ven thành công - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 10555-5, EC hoặc tương đương (Khoảng cách từ đầu mặt vát kim sắt đến đầu catheter <1mm đảm bảo lực tác động, giảm đau)	Hộp 50 cái
5	Ống nghiệm nước tiểu 18mm x 18cm	Chất liệu: Thủy tinh trung tính Kích thước: đường kính: 18mm Chiều dài ống: 180mm	250 cái/ hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói tham khảo
6	Sonde Foley 2 nhánh phủ Silicon các số	Sonde foley 2 nhánh các cỡ - Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên, Phủ Silicon - Dài từ 270mm - 400mm - Có bóng dung tích 5cc-30cc - Lỗ thông tiểu lớn và trơn - Tiết trùng - Tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	1 cái/ túi
7	Sonde nelaton các số	Các cỡ: 6 - 26; chiều dài ống: 270 - 400mm - Được làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên dùng trong y tế, có màu đỏ, có phủ silicon, tròn đều - Có thiết kế 1 nhánh dùng để thông tiểu hiệu quả và nhanh chóng - Không độc hại, không gây kích ứng; Thân ống mềm mại; Được tiết trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái - Đầu tù nhỏ với 2 lỗ thông bơm - hút dịch, thoát nước cạnh bên - Được tiết trùng bằng khí EO.	10 cái/ túi
8	Sonde hậu môn các số	Ống thông hậu môn các số 22, 24, 26, 28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Tiêu chuẩn ISO 11135, ISO 13485 hoặc tương đương	1 cái/ túi
9	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các số	Kim dẫn đường sắc bén Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G14 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn; Tốc độ dòng chảy 80 ml/min Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG hoặc tính năng tương đương Tiêu chuẩn EC, ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 10 cái

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói tham khảo
10	Chỉ khâu tự tiêu Polyglactin các số	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số kích cỡ: số 0, 1, 2/0, 3/0, 4/0, 5/0. Độ dài chỉ trong khoảng: 75cm-90cm. - 01 kim tròn đầu hình thoi bằng hợp kim thép có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), có phủ silicone cải tiến, dài 17-40mm 1/2 vòng tròn. - Đường kính kim: 0,45 - 1,02 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để làm giảm nhòe hình, ngăn ngừa rối chỉ. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE hoặc tương đương	Hộp 12 tép/sợi
11	Chỉ khâu thép	Chỉ thép được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính chỉ từ 16G - 30G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Túi 01 cuộn
12	Lưỡi dao mổ các số dùng một lần	Làm bằng thép, được tiệt trùng, có đủ các số. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 100 chiếc
13	Phim khô laser 20cmx25cm	Phim khô laser 20x25 cm (8x10 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim ≥ 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16 – 27 °C hoặc 60 – 80 °F và điều kiện độ ẩm 30 – 50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax 3.3 hoặc tốt hơn - Phim có mật độ điểm ảnh 650 ppi hoặc tốt hơn - Công nghệ kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax	125 tờ/ hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói tham khảo
		- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	
14	Phim khô laser 25cmx30cm	Phim khô laser 25x30 cm (10x12 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim ≥ 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16 – 27 °C hoặc 60 – 80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax 3.3 hoặc tốt hơn - Phim có mật độ điểm ảnh 650 ppi hoặc tốt hơn - Hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	125 tờ/ hộp
15	Phim khô laser 35cmx43cm	Phim khô laser 35x43 cm (14x17 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim ≥ 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16 – 27 °C hoặc 60 – 80 °F và điều kiện độ ẩm 30 – 50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax 3.3 hoặc tốt hơn - Phim có mật độ điểm ảnh 650 ppi hoặc tốt hơn - Hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	125 tờ/ hộp
16	Vít xương cứng tự taro các cỡ	Vít được làm từ chất liệu titanium cấp 5 hoặc tương đương, tự taro. Đường kính mũ vít 5,0mm, 6,0mm, 8,0mm, với độ cao 2,5mm, 3,4mm, 4,4mm. Đầu lục giác vặn vít: đường kính 2,0mm, sâu 1,5mm; đường kính 2,5mm, sâu 1,8mm;	1 cái/ túi

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói tham khảo
		đường kính 3,5mm, sâu 2,8mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 2,7mm, 3,5mm, 4,5mm chiều dài từ 6mm - 30mm và 10mm - 80mm với bước tăng 2mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	
17	Đinh Kirschner các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Đinh có các đường kính 1,0/1,2/1,5/1,8/2,0/2,5/3,0 mm. Chiều dài đinh với các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	10 cái/túi
18	Que thử tồn dư Clo	Quy trình kiểm tra bán định lượng nồng độ Chlorine tổng số giữa mức 0 và 3ppm thông qua việc so sánh màu của đầu que chỉ thị với bảng màu trên nhãn lọ. Các khối màu trên nhãn lọ sẽ đại diện cho nồng độ Chlorine tổng ở 0, 0.1, 0.5 và 3 ppm Xác định định tính chất tẩy rửa còn tồn dư trong nước rửa có thể được thực hiện thông qua việc kiểm tra màu của phần chỉ thị trên đầu que thử nếu có sự xuất hiện bất cứ màu hồng/tím/xám nào. Thời gian kiểm tra Bán định lượng (cho nước cấp hoặc nước rửa) - 30 giây; Định tính (chỉ cho nước rửa) - 5 giây	100 test/ lọ
19	Paraphin rắn	Parapin dạng sáp, màu trắng, không mùi, không vị. Điểm nóng chảy từ 55-65 ⁰ C	Bao 50kg

1.3. Các yêu cầu khác

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Anh và Tiếng Việt.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Sổ lưu hành còn hiệu lực bao gồm Sổ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với Thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Sổ giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với Thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại Thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ. Đối với trường hợp Sổ lưu hành hết hiệu lực, đề nghị Nhà thầu giải trình khả năng cung ứng hàng hóa.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Sổ lưu hành và Kết quả phân loại Thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa chào thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và cam kết giá bán không cao hơn giá kê khai hoặc giá niêm yết theo Điều 17, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 & Điểm 7, Khoản 18, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Trung tâm Y tế Tiên Lữ; Địa chỉ: Xã Hoàng Hoa Thám - tỉnh Hưng Yên. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được bên mời thầu kiểm. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT sẽ không được nghiệm thu.